

THÔNG BÁO TUYỂN SINH NĂM 2021

Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị Công nghệ và Phát triển Doanh nghiệp do ĐHQGHN cấp bằng

Được thành lập từ năm 1995, Khoa Quản trị và Kinh doanh (HSB) là một khoa thành viên trong mô hình Đại học Quốc gia Hà Nội (VNU). Trong 25 năm qua, HSB luôn là thương hiệu có uy tín với các chương trình Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (HSB-MBA) và các chương trình đào tạo liên ngành mới (MET, MNS, MBM, DMS) hiện đang được triển khai với sự hợp tác của các trường đại học xếp hạng Top trên Thế giới như: ĐH Queensland (Úc) xếp hạng 47 Thế giới năm 2018, ĐH Công lập New York (Mỹ), Trường Kinh doanh IPAG (Pháp)... Với những nền tảng như vậy, cùng sự phát triển mạnh mẽ về công nghệ của thời đại 4.0, HSB đã xây dựng và cho ra đời chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị công nghệ và Phát triển doanh nghiệp phục vụ cho sự phát triển doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập và cạnh tranh toàn cầu như hiện nay.

HSB thông báo tuyển sinh Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị Công nghệ và Phát triển Doanh nghiệp (MOTE) giảng dạy bằng tiếng Việt và 20% số tín chỉ giảng dạy bằng tiếng Anh, Khóa 2 và Khóa 3 trong năm 2021 với các thông tin cụ thể như sau:

1. Tên chương trình: Thạc sĩ Quản trị Công nghệ và Phát triển Doanh nghiệp (*Master Management of Technology and Entrepreneurship, MOTÉ*)

- Ngành: Quản trị Công nghệ và Phát triển Doanh nghiệp
- Chuyên ngành: Quản trị Công nghệ và Phát triển Doanh nghiệp
- Đơn vị cấp bằng: Đại học Quốc gia Hà Nội
- Đơn vị đào tạo: Khoa Quản trị và Kinh doanh (HSB)
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

2. Thời gian nhận hồ sơ dự tuyển:

Phòng Tuyển sinh HSB liên tục tiếp nhận hồ sơ của thí sinh trong thời gian đăng ký dự tuyển.

3. Phương thức đăng ký dự tuyển:

- Ứng viên truy cập trên Cổng thông tin Tuyển sinh Sau đại học - Đại học Quốc gia Hà Nội qua địa chỉ: <http://tssdh.vnu.edu.vn> và thực hiện đăng ký dự tuyển trực tiếp theo hướng dẫn (hoặc liên hệ phòng Tuyển sinh để nhận được hướng dẫn chi tiết).

- Thời gian đăng kí:

Đợt 1: 8h00 ngày 17/01/2021 đến 17h00 ngày 02/04/2021

Đợt 2: 8h00 ngày 26/04/2021 đến 17h ngày 24/09/2021

- Ứng viên đăng kí dự tuyển trực tiếp qua phòng Tuyển sinh và nộp kèm hồ sơ theo quy định.

4. Thời gian phỏng vấn dự kiến:

- **Đợt 1:** từ 01/04/2021 – 28/04/2021

- **Đợt 2:** từ 18/09/2021 – 10/10/2021

5. Thời gian đào tạo và khung chương trình học

*** Thời gian đào tạo:**

- Thời gian đào tạo chính thức: từ 18 đến 24 tháng, học vào sáng và chiều các ngày thứ 7 và Chủ Nhật hàng tuần.

- Thời hạn bảo lưu: 24 tháng.

*** Khung chương trình các môn học (theo Phụ lục 1).**

6. Điều kiện dự tuyển:

6.1. Điều kiện văn bằng, chứng chỉ

- **Nhóm 1:** Có bằng tốt nghiệp cử nhân Quản trị doanh nghiệp và công nghệ - MET được dự thi mà không phải học bổ sung kiến thức;

- **Nhóm 2:** Có bằng tốt nghiệp đại học các ngành thuộc nhóm ngành Kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán, Quản trị - Quản lý, Luật, được dự tuyển sau khi đã có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình 3 học phần (9 tín chỉ).

- **Nhóm 3:** Có bằng tốt nghiệp đại học các ngành gần thuộc lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật, Kỹ thuật, Khoa học tự nhiên, được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ túc kiến thức với chương trình 5 học phần (15 tín chỉ).

- **Nhóm 2 và Nhóm 3:** Học các học phần bổ sung kiến thức bắt buộc theo quy định của ĐHQGHN. (Xem chi tiết loại văn bằng cử nhân được xếp theo Nhóm 2, Nhóm 3 và các học phần bổ sung kiến thức theo Phụ lục 4).

6.2. Điều kiện về kinh nghiệm công tác

- **Nhóm 1:** Được dự tuyển ngay sau khi tốt nghiệp.

- **Nhóm 2 và Nhóm 3:** Người dự tuyển phải có ít nhất 1 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực liên quan đến quản lý nhà nước, quản lý khoa học và công nghệ, quản lý kinh tế, hay quản trị kinh doanh, tại một trong những vị trí công tác sau đây:

+ Cán bộ, công chức, viên chức đang trực tiếp thực hiện công tác quản lý về khoa học và công nghệ ở các cấp từ trung ương tới địa phương.

+ Cán bộ, công chức, viên chức đang trực tiếp thực hiện công tác quản lý về kinh tế và kinh doanh ở các cấp từ trung ương tới địa phương.

+ Nhân viên, quản lý các cấp tại các doanh nghiệp nhà nước, FDI (kể cả nhân viên quản lý người nước ngoài), doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

+ Các giảng viên đại học khối kỹ thuật, khối kinh tế và quản trị kinh doanh muốn nâng cao trình độ để giảng dạy bộ môn quản trị công nghệ, triển doanh nghiệp và các bộ môn khoa học liên ngành.

6.3. Điều kiện về ngoại ngữ

Thí sinh dự tuyển phải có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ sau đây:

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài bằng bằng tiếng Anh, được cơ quan thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;
- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ tiếng Anh;
- Có chứng chỉ trình độ tiếng Anh tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Chứng chỉ còn giá trị trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi thạc sĩ và được cấp bởi cơ sở được ĐHQGHN công nhận (*Chi tiết tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2*)

7. Hình thức xét tuyển

7.1. Quy trình xét tuyển

Hình thức xét tuyển: Dựa trên đối tượng tuyển sinh mang tính đặc thù và chuyên ngành đào tạo liên ngành, ĐHQGHN cho phép HSB tổ chức hình thức tuyển sinh đầu vào thạc sĩ chính quy theo mô hình mới và hiện đại. HSB sẽ tiến hành đánh giá hồ sơ, phỏng vấn chuyên môn của ứng viên và viết luận.

- **Bước 1:** Nhận và thẩm định hồ sơ đăng ký dự tuyển theo các yêu cầu của chương trình đào tạo và các quy định của ĐHQGHN. Ứng viên đáp ứng yêu cầu về hồ sơ theo quy định sẽ được thông báo về thời gian phỏng vấn.
- **Bước 2:** Kiểm tra năng lực viết luận, đánh giá hồ sơ và phỏng vấn chuyên môn. Yêu cầu và mục đích của bước này bao gồm:
 - + **Viết bài luận:** Thí sinh được yêu cầu viết một bài luận ngắn trong 30 phút để kiểm tra khả năng viết luận logic bằng tiếng Việt;
 - + **Đánh giá hồ sơ và phỏng vấn:** Hội đồng tiến hành đánh giá hồ sơ; phỏng vấn tuyển sinh (*bằng tiếng Việt*). Các câu hỏi kiểm tra động cơ, mục đích học tập, kinh nghiệm thực tiễn của thí sinh liên quan tới chuyên ngành dự tuyển, năng lực học tập, nghiên cứu và một số

nội dung khác liên quan đến chương trình đào tạo. Trong trường hợp bất khả kháng HSB có thể tổ chức phỏng vấn online (như trong trường hợp đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, tăng cường giãn cách xã hội, thiên tai...)

7.2. Thang điểm đánh giá:

- **Thang điểm: thang điểm tối đa: 100 điểm**
- **Điểm tối thiểu để được xét tuyển: 50/100 điểm**
- **Các tiêu chí cụ thể như sau:**
- + **Năng lực học tập: tối đa 30 điểm**

Tiêu chí này đánh giá năng lực học tập của thí sinh thông qua kết quả học tập đã đạt được ở bậc cử nhân. Việc đánh giá và cho điểm dựa trên điểm trung bình chung các học phần ở bậc đào tạo cử nhân.

- + **Năng lực ngoại ngữ: tối đa 10 điểm**

Tiêu chí này nhằm đánh giá năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh) của thí sinh. Việc đánh giá và cho điểm dựa vào các chứng chỉ ngoại ngữ mà thí sinh đã đạt, các khóa đào tạo tiếng Anh hoặc tốt nghiệp đại học ở nước ngoài.

- + **Kiểm tra khả năng viết luận của thí sinh: tối đa 10 điểm**

Tiêu chí này nhằm đánh giá khả năng viết luận của thí sinh, mục đích, động cơ, nhu cầu học tập của thí sinh đối với chương trình đào tạo.

- + **Phỏng vấn: tối đa 40 điểm**

Tiêu chí này nhằm đánh giá nhận thức, trình độ, hiểu biết của thí sinh về các vấn đề thuộc hoặc liên quan tới các chuyên ngành đào tạo mà thí sinh dự tuyển; khả năng giao tiếp, hiểu và diễn đạt vấn đề theo yêu cầu.

- + **Ý kiến đánh giá và ủng hộ trong thư giới thiệu, đối tượng ưu tiên (nếu có): 10 điểm.**

Tiêu chí này nhằm đánh giá về phẩm chất và năng lực của thí sinh thông qua nhận xét của các cá nhân nhà khoa học và chuyên gia đã có thời gian tiếp xúc với thí sinh; thí sinh thuộc diện ưu tiên (nếu có).

8. Đối tượng và chính sách ưu tiên:

8.1. Đối tượng ưu tiên

- Có thời gian công tác 2 năm liên tục trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học,

- cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;
- Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ hai năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành;
 - Thương binh, bệnh binh, người có giấy chứng nhận được hưởng chính sách như thương binh. Con đẻ của liệt sỹ, anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, người có công với cách mạng;
 - Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học được Ủy ban nhân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

8.2. Mức ưu tiên và thành tích nghiên cứu khoa học

a) Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên (*gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên*) được cộng vào kết quả xét tuyển 10 điểm trong tổng số điểm của thí sinh bao gồm tất cả các phần đánh giá (*thang điểm là 100 điểm*).

b) Quy định về mức điểm thưởng thành tích nghiên cứu khoa học:

- Đối với công trình nghiên cứu khoa học sinh viên:
 - + Đạt giải thưởng cấp ĐHQGHN hoặc cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo: giải nhất: 0.2 điểm, giải nhì 0.15 điểm, giải ba 0.1 điểm, giải khuyến khích 0.07 điểm.
 - + Đạt giải thưởng cấp trường hoặc cấp khoa trực thuộc: giải nhất 0.1 điểm, giải nhì 0.07 điểm, giải ba 0.05 điểm.
- Đối với bài báo khoa học đăng ở tạp chí ISI: 0.3 điểm; bài báo đăng trên tạp chí Scopus/quốc tế khác: 0.2 điểm; bài báo đăng trên kỷ yếu Hội nghị, hội thảo khoa học cấp quốc tế/quốc gia: 0.15 điểm;
- Sinh viên có nhiều thành tích thì được tích lũy điểm thưởng nhưng không quá 0.5 điểm.

9. Lịch học bổ sung kiến thức:

- Thời khóa biểu lớp Bổ sung kiến thức sẽ thông báo chi tiết đến ứng viên khi đăng ký.

10. Kinh phí đào tạo

10.1 Học phí toàn khóa

- Học phí toàn khóa: **150,000,000 đồng/ khóa**
- Học phí được đóng thành các đợt theo qui định và sẽ được thông báo sau khi nhập học.

- Học viên xuất sắc có hoàn cảnh khó khăn có cơ hội được xin cấp học bổng bán phần và toàn phần.
- Học phí đã bao gồm toàn bộ chi phí quản trị, chi phí đào tạo, in tập bài giảng và tài liệu, hội thảo, tham quan thực tế; chi phí sử dụng cơ sở vật chất, phòng học, điều hòa; dịch vụ teabreak...
- Học phí không bao gồm lệ phí dự tuyển đầu vào; lệ phí bảo lưu, gia hạn; lệ phí thi lại, học lại (nếu có); lệ phí học Bổ sung kiến thức (nếu có); lệ phí học và thi chứng chỉ Tiếng Anh (nếu có).

10.2 Lệ phí dự tuyển năm 2021

- Lệ phí hồ sơ và đăng ký hồ sơ: 150.000 đồng/thí sinh
- Lệ phí phỏng vấn và xét tuyển: 1.000.000 đồng/thí sinh.
- Lệ phí học bổ sung kiến thức: Theo thông báo của Phòng Tuyển sinh và Kế hoạch Tài chính HSB.

11. Hồ sơ đăng ký

A. Giấy tờ bắt buộc:				
1.	Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu)	:	01	bản gốc
2.	Sơ yếu lý lịch có xác nhận của thủ trưởng cơ quan hoặc chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú, thời hạn 6 tháng tính tới ngày dự tuyển (theo mẫu)	:	01	bản gốc
3.	Giấy chứng nhận đủ sức khỏe do bệnh viện đa khoa cấp, thời hạn trong vòng 6 tháng tính tới ngày dự tuyển	:	01	bản gốc
4.	Bằng tốt nghiệp đại học và Bảng điểm đại học	:	01	bản sao
5.	QĐ tuyển dụng / QĐ bổ nhiệm / HĐLĐ dài hạn / ... (<i>đối với ứng viên PHẢI học bổ sung kiến thức</i>)	:	01	bản sao
6.	Giấy xác nhận thời gian làm việc tối thiểu 1 năm liên tục của thủ trưởng cơ quan để chứng nhận thâm niên công tác (<i>đối với ứng viên PHẢI học bổ sung kiến thức</i>) (theo mẫu)	:	01	bản gốc
7.	Chứng chỉ ngoại ngữ xác nhận trình độ B1 theo khung tham chiếu châu Âu hoặc tương đương (bắt buộc đối với chương trình MOTE)	:	01	bản sao
8.	Ảnh chân dung (màu) cỡ 4x6, chụp trong vòng 6 tháng	:	04	ảnh
9.	Thư giới thiệu của cơ quan/ tổ chức/ doanh nghiệp/ nhà khoa học/ nhà giáo (<i>đối với ứng viên không được cơ quan/ tổ chức cử đi học</i>) (theo mẫu)	:	01	bản gốc

B. Giấy tờ khác (nếu có):			
10.	Chứng chỉ hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức theo chuyên ngành dự thi trong thời hạn 02 năm tính tới ngày dự thi (<i>đối với ứng viên PHẢI học bổ sung kiến thức</i>)	:	01 bản sao
11	Giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên, gồm: - Giấy khai sinh hoặc CMND với đối tượng dân tộc; - Hợp đồng lao động; - Giấy xác nhận thời gian làm việc của cơ quan; - Giấy xác nhận công tác tại miền núi, hải đảo 2 năm liên tục do UBND xã, huyện xác nhận đối với đối tượng công tác 2 năm liên tục tại miền núi, hải đảo, vùng sâu;	:	01 bản sao

12. Địa chỉ nộp hồ sơ:

Khoa Quản trị và Kinh doanh (HSB), Đại học Quốc gia Hà Nội

Địa chỉ: Nhà B1, số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 0243.7548456 – Fax: 024.7548455

Phòng Tuyển sinh – Khoa Quản trị và Kinh doanh

Địa chỉ: Tầng 2, nhà B1, số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Hotline: 0243. 6292.3030 – 0903.281 028 – 096 820 2244

Email: tuyensinhthacsi@hsb.edu.vn

Nơi nhận:

- ĐHQGHN (để b/cáo);
- Các đơn vị, cơ quan liên quan;
- Các đơn vị thuộc HSB;
- Lưu: TS, ĐT, KH-TC.



PGS.TS. Hoàng Đình Phi

PHỤ LỤC 1. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH CÁC MÔN HỌC

(Kèm theo Thông báo số 359/TB-QT&KD, ngày 23 tháng 08 năm 2021)

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ
I	Khối kiến thức chung		4
1	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		36
II.1	Các học phần bắt buộc		18
2	MNS6001	Quản trị chiến lược và kế hoạch <i>Management of Strategies and Plans</i>	3
3	HSB6017	Quản trị nguồn nhân lực và nhân tài <i>Management of Human Resource and Talents</i>	3
4	HSB6018	Tài chính và Kế toán cho nhà quản trị <i>Accounting and Finance for Managers</i>	3
5	HSB6021	Quản trị công nghệ <i>Management of Tehcnology</i>	3
6	HSB6022	Chuyên giao công nghệ <i>Technology Transfer</i>	3
7	HSB6010	Quản trị phát triển doanh nghiệp <i>Management of Entrepreneurship</i>	3
II.2	Các học phần tự chọn		18/54
8	HSB6023	Quản trị đổi mới sáng tạo <i>Management of Innovation</i>	3
9	HSB6024	Quản trị hoạt động và sản xuất <i>Management of Operation & Manufacturing</i>	3
10	HSB6025	Quản trị dự án nghiên cứu và phát triển <i>Management of R&D Project</i>	3
11	HSB6026	Tổng quan về thiết kế và công nghệ <i>Introducton to Design and Technologies</i>	3
12	HSB6027	Chiến lược phát triển công nghệ <i>Technology Development Strategy</i>	3
13	HSB6028	Thiết kế và tích hợp hệ thống kinh doanh <i>Business System Design and Integration</i>	3
14	HSB6011	Quản trị hệ thống thông tin doanh nghiệp <i>Management of Corporate Information System</i>	3
15	HSB6029	Quản trị chất lượng và rủi ro <i>Management of Quality and Risk</i>	3
16	HSB6030	Quản trị Marketing <i>Marketing Management</i>	3
17	HSB6033	Quản trị thương hiệu <i>Management of Branding</i>	3
18	HSB6032	Quản trị tài sản trí tuệ <i>Management of Intellectual Property</i>	3
19	HSB6031	Phát triển doanh nghiệp quốc tế <i>International Entrepreneurship</i>	3

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ
20	HSB6016	Thương mại điện tử <i>E-Commerce</i>	3
21	HSB6034	Chuỗi cung ứng và hậu cần <i>Supply Chain & Logistics</i>	3
22	HSB6035	Công nghệ tài chính và an ninh tài chính <i>Fintech & Finance Security</i>	3
23	HSB6036	Chuyển đổi số và kinh doanh số <i>Digital Transforation & Digital Business</i>	3
24	HSB6037	Quản trị rủi ro và an ninh doanh nghiệp <i>Management of Risk & Corporate Security</i>	3
25	HSB6038	Quản trị các dự án đầu tư <i>Management of Investment Projects</i>	3
III	HSB7003	Luận văn thạc sĩ	20
Tổng cộng			60

Ghi chú:

- Học phần in đậm là học phần giảng dạy bằng Tiếng Anh
- Học viên phải nộp chứng chỉ tiếng Anh bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trước khi học các học phần được giảng dạy bằng tiếng Anh

**PHỤ LỤC 2. DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO CẤP CHỨNG CHỈ B1, B2
ĐƯỢC CÔNG NHẬN**

(Kèm theo Thông báo số 359/TB-QT&KD, ngày 23 tháng 08 năm 2021)

STT	Cơ sở đào tạo	Chứng chỉ B1, B2 được công nhận				
		<i>Tiếng Anh</i>	<i>Tiếng Nga</i>	<i>Tiếng Pháp</i>	<i>Tiếng Trung</i>	<i>Tiếng Đức</i>
1	Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐHQGHN	√	√	√	√	√
2	Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Đà Nẵng	√	√			
3	Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Huế	√	√	√	√	
4	Trường ĐH SP TP Hồ Chí Minh	√	√	√	√	
5	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	√		√		
6	Trường Đại học Hà Nội	√	√	√	√	√
7	Trường Đại học Thái Nguyên	√	√	√	√	
8	Trường Đại học Cần Thơ	√		√		
9	Trường Đại học Vinh	√				
10	Học viện An ninh nhân dân	√				

PHỤ LỤC 3.

Bảng tham chiếu mức điểm tối thiểu một số chứng chỉ Ngoại ngữ tương đương bậc 3 và bậc 4 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam sử dụng trong tuyển sinh trình độ thạc sĩ tại ĐHQGHN

(Kèm theo văn bản hướng dẫn số 71/HD-ĐHQGHN ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Đại học Quốc gia Hà Nội)

Tiếng Anh

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	TOEIC (4 kỹ năng)	APTIS (British Council)	Cambridge Exam	BEC	BULATS	Vietnamese Standardized Test of English Proficiency
Bậc 3	4.5	460 ITP 42 iBT	Reading 275 Listening 275 Speaking 120 Writing 120	B1	KET (Distinction 140) PET (Pass 140) FCE (Level B1 - 140)	Preliminary	40	VSTEP.3-5 (4.0)
Bậc 4	5.5	543 ITP 72 iBT	Reading 385 Listening 400 Speaking 160 Writing 150	B2	KET (Distinction 160) PET (Pass 160) FCE (Level B2 - 160)	Vantage	60	VSTEP.3-5 (6.0)

PHỤ LỤC 4.**DANH SÁCH CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC
TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO MOTE***(Kèm theo Thông báo số 359/TB-QT&KD, ngày 23 tháng 08 năm 2021)*

Nhóm đối tượng BSKT	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
Nhóm 2: Có bằng tốt nghiệp đại học các ngành thuộc nhóm ngành Kinh doanh, Tài chính – Ngân hàng – bảo hiểm, Kế toán – Kiểm toán, Quản trị - Quản lý, Luật	Tổng quan về Khoa học quản trị	3	
	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	
	Hệ thống pháp luật Việt Nam về công nghệ và doanh nghiệp	3	
	Tổng tín chỉ	9	
Nhóm 3: Có bằng tốt nghiệp đại học các ngành gần thuộc lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật, Kỹ thuật, Khoa học tự nhiên	Kinh tế vi mô	3	
	Kinh tế vĩ mô	3	
	Tổng quan về Khoa học quản trị	3	
	Tổng quan về Quản trị kinh doanh	3	
	Hệ thống pháp luật Việt Nam về công nghệ và doanh nghiệp	3	
	Tổng tín chỉ	15	

PHỤ LỤC 5.

Danh sách các chương trình đào tạo tài năng, tiên tiến, chuẩn quốc tế, chất lượng cao (được nhà nước hỗ trợ), đã được kiểm định (còn thời hạn) của ĐHQGHN

(Kèm theo văn bản hướng dẫn số 71/HD-ĐHQGHN ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Đại học Quốc gia Hà Nội)

1. Các CTĐT tài năng, tiên tiến, chuẩn quốc tế, chất lượng cao (được nhà nước hỗ trợ) của ĐHQGHN

STT	Chương trình đào tạo	Đơn vị đào tạo
Chương trình đào tạo tài năng		
1.	Toán học	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên
2.	Vật lí	
3.	Hóa học	
4.	Sinh học	
Chương trình đào tạo tiên tiến		
5.	Hóa học	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên
6.	Khoa học môi trường	
Chương trình đào tạo chuẩn quốc tế		
7.	Vật lí	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên
8.	Sinh học	
9.	Địa chất học	
10.	Khoa học máy tính	Trường Đại học Công nghệ
11.	Công nghệ Kỹ thuật điện tử, truyền thông	
12.	Quản trị kinh doanh	Trường Đại học Kinh tế
Chương trình đào tạo chất lượng cao (được nhà nước hỗ trợ)		
13.	Địa chất học	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên
14.	Địa lí tự nhiên	
15.	Khí tượng học	
16.	Thủy văn	
17.	Hải dương học	
18.	Khoa học môi trường	
19.	Triết học	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn
20.	Lịch sử	
21.	Ngôn ngữ học	
22.	Văn học	
23.	Tâm Lí học	
24.	Khoa học quản Lí	

STT	Chương trình đào tạo	Đơn vị đào tạo
25.	Su phạm Tiếng Anh	Trường Đại học Ngoại ngữ
26.	Su phạm Tiếng Pháp	
27.	Ngôn ngữ Anh	
28.	Ngôn ngữ Pháp	
29.	Ngôn ngữ Trung Quốc	
30.	Ngôn ngữ Nhật	
31.	Công nghệ thông tin	Trường Đại học Công nghệ
32.	Kinh tế quốc tế	Trường Đại học Kinh tế
33.	Tài chính - Ngân hàng	
34.	Luật	Khoa Luật

Danh sách gồm 34 CTĐT./

2. Các CTĐT đã được kiểm định (còn thời hạn) của ĐHQGHN

STT	CTĐT	Tổ chức kiểm định	Năm kiểm định
Trường Đại học Khoa học Tự nhiên			
1.	Địa lí tự nhiên	AUN-QA	2017
2.	Khí tượng học	AUN-QA	2017
3.	Công nghệ Kỹ thuật môi trường	AUN-QA	2018
4.	Công nghệ kỹ thuật hóa học	AUN-QA	2018
5.	Máy tính và khoa học thông tin	AUN-QA	2019
6.	Khoa học vật liệu	AUN-QA	2020
7.	Quản lí đất đai	AUN-QA	2020
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn			
8.	Triết học	AUN-QA	2016
9.	Văn học	AUN-QA	2017
10.	Tâm Lí học	Bộ GD&ĐT	2017
11.	Việt Nam học	Bộ GD&ĐT	2017
12.	Xã hội học	AUN-QA	2018
13.	Tâm Lí học	AUN-QA	2018
14.	Quốc tế học	Bộ GD&ĐT	2019
15.	Lịch sử (Chuẩn và chất lượng cao)	AUN-QA	2019
16.	Lưu trữ học	Bộ GD&ĐT	2020
17.	Chính trị học	AUN-QA	2020
Trường Đại học Ngoại ngữ			

STT	CTĐT	Tổ chức kiểm định	Năm kiểm định
18.	Ngôn ngữ Anh (Chất lượng cao)	AUN-QA	2018
19.	Ngôn ngữ Đức	AUN-QA	2019
20.	Ngôn ngữ Ả rập	AUN-QA	2020
Trường Đại học Công nghệ			
21.	Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử	AUN-QA	2018
Trường Đại học Kinh tế			
22.	Tài chính ngân hàng (Chất lượng cao)	Bộ GD&ĐT	2018
23.	Kế toán	Bộ GD&ĐT	2018
24.	Kinh tế phát triển	Bộ GD&ĐT	2020
25.	Kinh tế	Bộ GD&ĐT	2020
Trường Đại học Giáo dục			
26.	Sư phạm Toán	Bộ GD&ĐT	2019
27.	Sư phạm Ngữ văn	Bộ GD&ĐT	2019
Khoa Luật			
28.	Luật học	AUN-QA	2016
29.	Luật Kinh doanh	AUN-QA	2019
Khoa Quốc tế			
30.	Kinh doanh quốc tế	Bộ GD&ĐT	2019
Khoa Y Dược			
31.	Dược học	Bộ GD&ĐT	2019
32.	Y Đa khoa	Bộ GD&ĐT	2020

Danh sách gồm 32 CTĐT./